

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH T

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh P

Bản án số: 14 /2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11/01 /2023
V/v: ly hôn, tranh chấp về nuôi
con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Hồng Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đăng Thiện

2. Ông Nguyễn Văn Sâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh T tham gia phiên toà: Ông Lê Văn Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 273/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022 về "l y hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29 ngày 26/12/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1992; vắng mặt.

Nơi ĐKKHKT: thôn 4, xã Q, huyện T, T

- Bị đơn: Anh Bùi Văn S, sinh năm 1991; vắng mặt.

Trú tại: thôn 4, xã Q, huyện T, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12 tháng 9 năm 2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Bùi Văn S qua tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân, có tổ chức cưới theo phong tục địa phương và làm đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh T vào ngày 23/3/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh P đến tháng 3 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và ly

thân từ đó cho đến nay. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, anh S nghe lời gia đình, hay ghen tuông vô cớ nên dẫn đến hay xích mích, cãi cọ. Nay chị xác định không còn tình cảm và mâu thuẫn không thể hàn gắn được, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn S.

Về con chung: chị P xác định vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu Bùi Thị Ngọc A, sinh ngày 02/8/2012 và Bùi Thu H, sinh ngày 08/7/2014, hiện tại cả hai cháu đang ở với anh S. Quan điểm của chị là xin được trực tiếp nuôi con chung của anh chị là cháu Bùi Thu H, giành quyền nuôi cháu A cho anh S, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ: chị P xác định vợ chồng tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 07/10/2022 chị P trình bày quan điểm là giữ nguyên yêu cầu khởi kiện nhưng xin thay đổi là nếu anh S xin nuôi cả hai con thì chị cũng đồng ý và chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1000.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 10/10/2022, bị đơn là anh Bùi Văn S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh S xác nhận việc vợ chồng kết hôn là do hai bên tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh T vào ngày 23/3/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, tình cảm bình thường, không xảy ra mâu thuẫn gì. Đến đầu năm 2022 thì chị P tự bỏ nhà đi và nay làm đơn xin ly hôn anh, anh cho rằng mâu thuẫn của vợ chồng chưa đến mức độ phải ly hôn, nên anh không đồng ý ly hôn với chị P.

Về con chung: anh S xác định vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu Bùi Thị Ngọc A, sinh ngày 02/8/2012 và Bùi Thu H, sinh ngày 08/7/2014, hiện tại cả hai cháu đang ở với anh. Quan điểm của anh là anh xin được nuôi cả hai cháu và anh không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ: anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 06/12/2022, hai cháu Bùi Thị Ngọc A và Bùi Thu H, trình bày nguyện vọng được ở với Bố.

Tại Biên bản xác minh lập ngày 06/12/2022, đại diện Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T cho biết: chị Nguyễn Thị P và anh Bùi Văn S là vợ chồng, đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện T ngày 23/3/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại thôn 4, xã Q, huyện T, T. Vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Thị Ngọc A, sinh ngày 02/8/2012 và Bùi Thu H, sinh ngày 08/7/2014. Quá trình vợ chồng chung sống mâu thuẫn giữa vợ chồng địa phương không nắm được do gia đình chưa đề nghị UBND xã hòa giải lần nào.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến khi Quyết định đưa vụ án ra xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên ngày 14/9/2022, chị Nguyễn Thị P đã làm đơn khởi kiện và không đồng ý hòa giải nhưng đến ngày

07/10/2022, Tòa án mới thông báo nộp tiền tạm ứng án phí ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự quy định tại Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị P đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, theo quy định tại các Điều 70,71 Bộ luật tố tụng dân sự, đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình, có mặt đầy đủ theo Giấy triệu tập và chấp hành các quyết định của Tòa án.

Bị đơn, anh Bùi Văn S thực hiện các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tuy nhiên tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 07/11/2022, phiên tòa ngày 26/12/2022 anh Bùi Văn S vắng mặt không có lý do thể hiện việc tuân thủ pháp luật không nghiêm túc.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

1.Về hôn nhân: Đề nghị Tòa án nhân dân huyện T xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P đối với bị đơn anh Bùi Văn S.

2. Về con chung: Giao 02 con chung của chị P và anh S là cháu Bùi Thị Ngọc A, sinh ngày 02/8/2012 và Bùi Thu H, sinh ngày 08/7/2014 cho anh Bùi Văn S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị P phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1000.000đ cho cả 02 con.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Nguyễn Thị P khởi kiện đề nghị giải quyết xin được ly hôn với anh Bùi Văn S, cư trú tại: thôn 9, xã Q, huyện T, tỉnh T; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị P và anh Bùi Văn S tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh T cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 23/3/2012, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh S là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu tình cảm giữa vợ chồng hạnh P, tuy nhiên sau đó thì giữa anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng trong sinh hoạt, nên tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Quá trình giải quyết vụ án, chị P nhất quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S còn anh S không đồng ý vì thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn; Do bận công việc gia đình bên ngoài nên chị P xin được vắng mặt tại các phiên tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa chị P xin giữ nguyên quan điểm đã trình bày trong đơn khởi kiện và trong bản tự khai là muốn được ly hôn với anh S, về con chung thì chị xin được

trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Thị Thu H, sinh ngày 08/7/2014, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu anh S nuôi được cả hai cháu thì chị cũng đồng ý và sẽ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1000.000 đồng cho cả 02 con.

Trong bản tự khai anh S không đồng ý ly hôn, nếu phải ly hôn anh xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung, không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung. Quá trình giải quyết vụ án, anh S không đến Tòa án làm việc Tòa án phải cho anh làm bản tự khai tại nhà anh vì anh không đi đến Tòa án làm việc, không tham gia đầy đủ các phiên hòa giải do Tòa án tiến hành. Tại phiên tòa hôm nay anh vắng mặt không có lý do.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, hôn nhân không còn có thể hàn gắn được, vì vậy chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P, giải quyết cho chị Nguyễn Thị P được ly hôn với anh Bùi Văn S.

[3] Về con chung: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị P trình bày là chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Thị Thu H, sinh ngày 08/7/2014, anh S đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên do lâu nay cả hai cháu A và H đang ở với anh S, chị P đi làm Công ty và hay có việc bên ngoài phải đi xa nên không thể chăm sóc các con thường xuyên, chu đáo được, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và sự ổn định cho con nên cần giao 02 con chung là cháu Bùi Thị Ngọc A, sinh ngày 02/8/2012 và Bùi Thị Thu H, sinh ngày 08/7/2014 cho anh Bùi Văn S trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi tháng 1000.000 đồng cho cả 02 con. Chị P có quyền, nghĩa vụ, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[4] Về phần tài sản và công nợ: chị Nguyễn Thị P và anh Bùi Văn S không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và công nợ. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: chị Nguyễn Thị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81, Điều 82,

Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị P. Chị Nguyễn Thị P được ly hôn với anh Bùi Văn S.

2. Về con chung: chị Nguyễn Thị P và anh Bùi Văn S có 02 (hai) con chung là Bùi Thị Ngọc A, sinh ngày 02/8/2012 và Bùi Thị Thu H, sinh ngày 08/7/2014.

Giao hai con chung là Bùi Thị Ngọc A, sinh ngày 02/8/2012 và Bùi Thị Thu H, sinh ngày 08/7/2014 cho anh Bùi Văn S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. chị P cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1000.000 đồng cho cả 02 con.

Chị Nguyễn Thị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản và công nợ: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị P đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0014418 ngày 07/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Chị P còn phải nộp tiền án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- P. kiểm tra nghiệp vụ TAND tỉnh T;
- Các đương sự;
- UBND xã Q. H. T;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Cao Hồng Đức

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Cao Hồng Đức

